| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ L**<br>**TỈNH A** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 90/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30/9/2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH A**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Xuân Thu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đỗ Trọng Ngoan.

2. Bà Nguyễn Thị Xuân Loan.

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Trương Phi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Hoàng Nhựt – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019, tại Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 459/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 194/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 173/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 13 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Phượng Q, sinh năm 1981. Địa chỉ: Số 913/3A, tổ 42, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh A.

*2. Bị đơn:* Ông Nguyễn Trường H, sinh năm 1980. Địa chỉ: Số 913/3A, tổ 42, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh A.

(Bà Phan Thị Phượng Q có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; ông Nguyễn Trường H vắng mặt lần thứ hai).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 09 tháng 7 năm 2019, bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là bà Phan Thị Phượng Q trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà với ông Nguyễn Trường H tự tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào tháng 11 năm 2005 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh A vào ngày 20 tháng 02 năm 2006. Hôn nhân lần thứ nhất của ông bà. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cách sống, tính tình không phù hợp, ông H thường hay bạo hành gia đình và trong đời sống sinh hoạt hàng ngày ông H thường hay xúc phạm bà bằng những lời lẽ khó nghe. Ông bà đã chính thức ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay. Do tình cảm của vợ chồng dành cho nhau không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Trường H.

- Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Hoàng Phương V, sinh ngày 03/01/2007 và Nguyễn Phương Kiều V, sinh ngày 26/10/2010 hiện đang do bà Phan Thị Phượng Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Khi ly hôn, bà Phan Thị Phượng Q yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung; bà không yêu cầu ông Nguyễn Trường H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phan Thị Phượng Q trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Trường H đã được Tòa án niêm yết Thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Trường H đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải đến lần thứ hai; triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông Nguyễn Trường H vẫn vắng mặt không rõ lý do.

*Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án,*

Nguyên đơn bà Phan Thị Phượng Q có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 27 tháng 8 năm 2019 với lý do bận công việc.

Bị đơn ông Nguyễn Trường H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của đương sự như sau:

Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các văn bản tố tụng được tống đạt đầy đủ cho các đương sự theo quy định tại các Điều 177, Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử vụ án. Thư ký thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đúng quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định tại Điều 70 và

Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến cũng như vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên tòa là chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Phan Thị Phượng Q theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Phương V, sinh ngày 03/01/2007 và Nguyễn Phương Kiều V, sinh ngày 26/10/2010. Xét thấy 02 con chung đang được bà Q chăm sóc nuôi dưỡng tốt, ông H cũng không có ý kiến về việc này, đồng thời nguyện vọng của 02 cháu Phương V, Kiều V là muốn sống với bà Q. Do đó, yêu cầu của bà Q là có cơ sở để chấp nhận để đảm bảo ổn định về tinh thần và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của hai cháu Phương V, Kiều V quy định tại Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Quyên không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét đến.

- Về án phí: Bà Phan Thị Phượng Q phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

## NH ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

Bà Phan Thị Phượng Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Trường H nên quan hệ tranh chấp của vụ án là *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn của vụ án là ông Nguyễn Trường H có nơi cư trú tại số 913/3A, tổ 42, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh A nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh A.

Tòa án đã tiến hành biện pháp thu thập chứng cứ để xác định tình trạng cư trú của ông Nguyễn Trường H và được Công an phường M, thành phố L, tỉnh A cung cấp thông tin: Ông Nguyễn Trường H, sinh năm 1980 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 913/3A, tổ 42, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh A. Tòa án cũng đã tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho ông Nguyễn Trường H theo quy định tại Điều 177, Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông Nguyễn Trường H vẫn vắng

mặt tại phiên tòa không có lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của ông Nguyễn Trường H không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông Nguyễn Trường H là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Phan Thị Phượng Q có yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà Quyên là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do đó, căn cứ khoản 1; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Phan Thị Phượng Q và ông Nguyễn Trường H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Phượng Q và ông Nguyễn Trường H tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh A theo Giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 20/02/2006 tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh A nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Chứng cứ bà Phan Thị Phượng Q đưa ra để yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Trường H là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cách sống, tính tình không phù hợp, ông H thường hay bạo hành gia đình và trong đời sống sinh hoạt hàng ngày ông H thường hay xúc phạm bà bằng những lời lẽ khó nghe nên vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay. Mặc dù những mâu thuẫn trên đã được cha mẹ hai bên hàn gắn nhưng bà xác định đời sống chung giữa bà và ông không hạnh phúc, tình cảm của bà dành cho ông H không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông Nguyễn Trường H vẫn vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Phượng Q. Đồng thời, ông Nguyễn Trường H cũng không thực hiện việc cung cấp, giao nộp chứng cứ và vắng mặt trong các buổi hòa giải theo thông báo của Tòa án. Điều đó chứng tỏ ông Nguyễn Trường H không còn quan tâm đến việc hàn gắn tình cảm gia đình với bà Phan Thị Phượng Q, phù hợp với lời trình bày của bà Phan Thị Phượng Q trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án.

Tại Biên bản xác minh ngày 17 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố L tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh A, thể hiện nội dung: Bà Phan Thị Phượng Q và ông Nguyễn Trường H là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh A vào ngày 20/02/2006. Trong thời kỳ hôn nhân ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Phương V,

sinh ngày 03/01/2007 và Nguyễn Phương Kiều V, sinh ngày 26/10/2010. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn dẫn đến ly hôn địa phương không rõ.

Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.*

Đối chiếu quy định pháp luật như viện dẫn trên, thấy rằng, thực tế hôn nhân giữa bà Phan Thị Phượng Q và ông Nguyễn Trường H đã không còn tồn tại. Ông bà không còn sống chung và đã ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay. Đồng thời, ông bà cũng không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của vợ chồng đối với nhau. Mặt khác, về phía bà Phan Thị Phượng Q mặc dù đã được Tòa án nhiều lần tạo điều kiện hòa giải với ông Nguyễn Trường H nhưng bà Phan Thị Phượng Q vẫn cương quyết ly hôn với ông Nguyễn Trường H. Điều đó chứng tỏ hôn nhân giữa bà Phan Thị Phượng Q và ông Nguyễn Trường H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu duy trì hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Phượng Q được ly hôn ông Nguyễn Trường H.

[2.2] Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Phương V, sinh ngày 03/01/2007 và Nguyễn Phương Kiều V, sinh ngày 26/10/2010. Bà Phan Thị Phương Quyên yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu ông Nguyễn Trường H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quyền nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án, bà Phan Thị Phượng Q trình bày, sau khi vợ chồng sống ly thân thì 02 con chung đang sinh sống ổn định cùng bà. Tại Biên bản ghi nguyện vọng của 02 con chung do Tòa án lập cùng ngày 16/8/2019, 02 con chung Nguyễn Hoàng Phương V và Nguyễn Phương Kiều V đều có nguyện vọng sau khi cha mẹ ly hôn được sinh sống với mẹ là bà Phan Thị Phượng Q. Xét thấy, cần thiết ổn định về nơi ở, điều kiện học tập và để đảm bảo ổn định về tinh thần cũng như quyền lợi về mọi mặt của hai con chung sau khi cha mẹ ly hôn; Hội đồng xét xử quyết định giao hai con chung Nguyễn Hoàng Phương V, sinh ngày 03/01/2007 và Nguyễn Phương Kiều V, sinh ngày 26/10/2010 cho bà Phan Thị Phượng Q trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về chi phí cấp dưỡng nuôi con chung: Do bà Phan Thị Phượng Q không yêu cầu ông Nguyễn Trường H cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét, giải quyết.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà Phan Thị Phượng Q trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Phan Thị Phượng Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004908 ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh A. Ông Nguyễn Trường H không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 186; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 232; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; Điều 54; khoản 1 Điều 56; Điều 57, Điều 58, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Phượng Q. Bà Phan Thị Phượng Q được ly hôn ông Nguyễn Trường H.

Giấy chứng nH kết hôn số 29, ngày 20 tháng 02 năm 2006 của Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh A cấp mang tên Phan Thị Phượng Q và Nguyễn Trường H không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung: Giao 02 (hai) con chung tên Nguyễn Hoàng Phương V, sinh ngày 03/01/2007 và Nguyễn Phương Kiều V, sinh ngày 26/10/2010 cho bà Phan Thị Phượng Q được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi 02 con chung thành niên, trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật  Ông Nguyễn Trường H không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do bà Phan Thị Phượng Q không yêu cầu.

Bà Phan Thị Phượng Q cùng các thành viên trong gia đình phải tạo điều kiện cho ông Nguyễn Trường H được thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cấm. Việc nuôi con không cố định. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chưa xem xét, giải quyết.

4. Về án phí:

- Bà Phan Thị Phượng Q phải nộp 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình; nhưng được khấu trừ vào 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004908 ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh A. Bà Phan Thị Phượng Q đã nộp đủ tiền án phí.

- Ông Nguyễn Trường H không phải nộp tiền án phí sơ thẩm.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nH được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nH:***
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TP Long Xuyên;
- CCTHADS TP Long Xuyên;
- Các đương sự;
- UBND phường Mỹ Hòa;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Xuân Thu**